TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/DS-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Lý Khắc Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Thanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 797/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948, địa chỉ: Số 271, tổ 08, ấp Bình T, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp Vĩnh N, xã Vĩnh T, huyện An P, tỉnh An Giang (Văn bản uỷ quyền ngày 17/8/2023 của Văn phòng công chứng Nguyễn Thúc Tân), có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 06, ấp Bình H, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Văn S: Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1978, địa chỉ: Ấp Chánh H, xã Bình L, huyện Châu P, tỉnh An Giang, (Giấy uỷ quyền ngày 16/8/2023), có mặt.

2.2. Trần Nguyên P, sinh năm 2007, địa chỉ: Tổ 06, ấp Bình H, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Trần Nguyên P: Ông Trần Văn S, sinh năm 1965, địa chỉ: Tổ 06, ấp Bình H, xã Bình M, huyện Châu P, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phước H cùng thống nhất trình bày:

Khi bà Nguyễn Thị N (là vợ ông Trần Văn S) còn sống thì bà N và ông S có nợ của Ngân hàng SHB - Phòng giao dịch Châu Đốc số tiền 996.600.000 đồng và nợ ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Châu Thành số tiền 305.350.000 đồng và 294.950.000 đồng. Sau khi bà N chết, ông S không có khả năng thanh toán nên có vay tiền của ông N để trả nợ cho 02 ngân hàng nói trên. Ngày 10/7/2017, ông S vay của ông N số tiền 996.600.000 đồng để trả cho Ngân hàng SHB - Phòng giao dịch Châu Đốc. Ngày 02/7/2017, ông S vay của ông N số tiền 305.350.000 đồng để trả cho ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Châu Thành. Ngày 12/7/2017, ông S vay của ông N số tiền 294.950.000 đồng để trả cho ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Châu Thành. Sau khi vay số tiền trên ông S hẹn 01 tháng sẽ trả lại và sẽ tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày trả nợ, nhưng đến nay ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Hiện tại ông S còn nợ ông N số tiền 996.600.000 đồng, số tiền 305.350.000 đồng và số tiền 294.950.000 đồng, tổng cộng là 1.596.900.000 đồng.

Nay ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn S và Trần Nguyên P (là con ruột của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị N) có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay 1.596.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/7/2024 là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 1.846.900.000 đồng.

Tại biên bản hoà giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn S và người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Văn S là bà Phan Thị Thanh T cùng thống nhất trình bày:

Ông S và bà Trúc thống nhất như lời trình bày của ông N và ông H nêu trên, hiện ông S còn nợ ông N số tiền 996.600.000 đồng, số tiền 305.350.000 đồng và số tiền 294.950.000 đồng, tổng cộng là 1.596.900.000 đồng, đồng ý trả cho ông N số tiền vốn vay 1.596.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày

02/7/2024 là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 1.846.900.000 đồng. Thời gian thanh toán là 02 tháng kể từ ngày 02/7/2024.

Tại phiên tòa ông Trần Văn S khai hiện nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N gồm có: Ông Trần Văn S (chồng bà Nga) và Trần Nguyên P (con ruột của ông S, bà Nga). Cha, mẹ ruột của bà N là ông Nguyễn Văn T đã chết và bà Nguyễn Thị C đã chết. Ông S không có thông tin về người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nào khác của bà Nga.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định tố tụng tại phiên toà.

- Về việc chấp hành pháp luật: Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc ông Trần Văn S và Trần Nguyên P có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 1.846.900.000 đồng (trong phạm vi di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Nga), trong đó gồm số tiền vay 1.596.900.000 đồng, tiền lãi 250.000.000 đồng.

+ Về án phí: Ông Trần Văn S, Trần Nguyên P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn vay còn nợ theo hợp đồng, xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Tòa án và đã nộp tạm ứng án phí nên Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, tại biên bản hoà giải do Toà án lập ngày 02/7/2024, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Phước H, ông Trần Văn S và bà Phan Thị Thanh T cùng thống nhất thừa nhận ông S có vay tiền của ông N, hiện tại ông S còn nợ ông N các khoản tiền vốn vay gồm số tiền 996.600.000 đồng, số tiền 305.350.000 đồng và số tiền 294.950.000 đồng, tổng cộng là 1.596.900.000 đồng. Ông Nguyễn Văn N yêu cầu ông Trần Văn S và Trần Nguyên P (là con của ông Trần Văn S và bà Nguyễn Thị N) có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn vay 1.596.900.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 02/7/2024 là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 1.846.900.000 đồng. Ông S đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông N.

Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa ông N và ông S là trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Ông N yêu cầu trả tiền lãi trên tổng số tiền vốn vay 1.846.900.000 đồng tính từ ngày vay đến ngày 02/7/2024 là 250.000.000 đồng là phù hợp theo mức lãi suất quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Theo lời khai của ông S, hiện nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N gồm có ông là chồng bà N và Trần Nguyên P là con ruột của ông và bà Nga. Cha, mẹ ruột của bà N là ông Nguyễn Văn T đã chết và bà Nguyễn Thị C đã chết. Ông S không có thông tin về những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nào khác của bà Nga. Do đó xác định hiện tại những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N gồm có ông Trần Văn S và Trần Nguyên P.

Ông S vay tiền của ông N là để trả khoản tiền nợ chung của bà N và ông S vay ngân hàng khi bà N còn sống. Ông S đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho ông N theo thỏa thuận, do đó ông N khởi kiện yêu cầu ông S và Trần Nguyên P liên đới thanh toán nợ là có căn cứ. Xét buộc ông Trần Văn S và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N (bao gồm: ông Trần Văn S và Trần Nguyên P, chỉ chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N đã chết để lại) có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Niên số

tiền vốn vay 1.596.900.000 đồng và tiền lãi 250.000.000 đồng, tổng cộng là 1.846.900.000 đồng.

[3] Về án phí:

Ông Trần Văn S và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N (bao gồm: ông Trần Văn S và Trần Nguyên P, chỉ có trách nhiệm liên đới chịu án phí trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N đã chết để lại) có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Trần Văn S và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N (bao gồm: ông Trần Văn S và Trần Nguyên P, chỉ chịu trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N đã chết để lại) có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền vốn vay là 1.596.900.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng), tiền lãi là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), tổng cộng là 1.846.900.000 đồng (Một tỷ tám trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn S và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị N (bao gồm: ông Trần Văn S và Trần Nguyên P, chỉ có trách nhiệm liên đới chịu án phí trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị N đã chết để lại) có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 67.407.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu bốn trăm lẽ bảy ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Lương Ngọc Dũng